

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống
của Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận nhà đầu tư;

Xét Văn bản số 8587/STNMT-BVMT ngày 16/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống của Công ty Cổ phần tập đoàn Việt Hưng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1255/Tr-STNMT ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần tập đoàn Việt Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Hưng thực hiện tại thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nông Cống, Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Việt Hưng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND TT Nông Cống (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống
của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Hưng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần tập đoàn Việt Hưng.
- + Đại diện: Ông Ninh Văn Sứ - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số 09B Hoàng Xuân Viện, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.
- + Số điện thoại: 02373.727998

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 4), huyện Nông Cống được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 48.042m² thuộc địa phận thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa với tổng số 241 căn nhà liền kề, quy mô dân số 970 người.
- Đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (san nền, giao thông, cấp - thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, cây xanh công viên, phòng cháy chữa cháy...). Xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt trước các công trình nhà ở liền kề với 241 căn, quy mô dân số 970 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

- (1) San nền trên tổng diện tích 48.042 m².
- (2) Hệ thống đường giao thông với tổng chiều dài 893,94m, diện tích mặt đường khoảng 5.309,51m².
- (3) Hệ thống cấp điện.
- (4) Hệ thống cấp nước của dự án có tổng chiều dài khoảng 2.918m đường ống HDPE D110 và HDPE D50.
- (5) Hệ thống thông tin liên lạc.
- (6) Hệ thống cây xanh của Dự án có diện tích khoảng 2326,1m² chiếm 4,84% tổng diện tích khu dân cư.
- (7) Hệ thống thoát nước mưa của dự án bao gồm khoảng 1.361m cống tròn các loại và 62 hố ga.
- (8) Hệ thống thu gom nước thải của Dự án bao gồm 1.621 m rãnh xây B300 và khoảng 40 hố ga.

(9) Xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt trước 241 công trình nhà ở liền kề.

(10) Hệ thống xử lý nước thải tại chỗ có công suất $120\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ gồm 03 thiết bị hợp khối (công suất $40\text{m}^3/\text{ngày.đêm/thiết bị}$).

1.3.2. *Các hoạt động của Dự án gồm:* Hoạt động xây dựng và sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án trên tổng diện tích 48.042m^2 .

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án không xả nước thải vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Dự án không sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, đất của di tích - lịch sử, danh lam thắng cảnh.

- Dự án cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho khoảng $42.147,1\text{m}^2$ đất lúa 2 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh sống của các hộ dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $7,5\text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm, giặt, vệ sinh tay chân $3,75\text{m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) $3,75\text{m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển...phát sinh khoảng $2,7\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_x , CO,...

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng $45\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm các sản phẩm nông nghiệp, hoa màu, gốc cây trồng...có khối lượng khoảng $3,36\text{tấn}$.

+ Đất vét hữu cơ, bùn bề mặt...: 7.883,22m³

+ CTR trong quá trình thi công các hạng mục công trình, gồm cát, đá, xi măng, gạch vỡ, bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng...có khối lượng khoảng 11,7 tấn/ngày.

3.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 5,0kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 2.900lít/trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công và sửa chữa nhỏ.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của hộ dân, công trình công cộng phát sinh khoảng 117m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 1,3 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: Bụi, NO₂, SO₂, CO,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân có khối lượng khoảng 1.280 kg/ngày. Chất thải rắn dễ phân huỷ được gồm: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại...; Chất thải rắn không phân huỷ được hay khó phân huỷ: Thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp...

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân có khối lượng khoảng 2,56kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, ắc quy hỏng, chai lọ đựng hóa chất...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân lưu lượng 3,75m³/ngày. Bố trí 01 hố lắng thể tích 4 m³ (kích thước 2,0m x 2,0m x 1,0m), lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) chống thấm, để thu gom, xử lý. Nước thải sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh lưu lượng $3,75\text{m}^3/\text{ngày}$. Thuê 05 nhà vệ sinh di động (Dung tích: Bồn nước là 1.050 lít và bồn phân là 500 lít) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ, với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng (từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển) có lưu lượng $2,7\text{m}^3/\text{ngày}$, thu gom bằng 01 hồ lắng thể tích 3m^3 (kích thước $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$). Nước thải sau lắng, tái sử dụng một phần để rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Sử dụng xe chở xitéc dung tích $5,0\text{ m}^3$ để tưới nước làm ẩm giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại tuyến đường dẫn vào dự án từ Quốc lộ 45 hiện trạng, tần suất ít nhất 04 lần/ngày, có thể tăng thêm vào những ngày nắng, nóng, khô hanh.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực bãi tập kết thực hiện quét dọn sạch trước khi trút đổ vật liệu để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Lắp dựng tường rào bằng tôn cao 2,5m dài 450m bao xung quanh khu đất để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời bảo vệ công trình.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 04 thùng đựng rác thải sinh hoạt có thể tích 40 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại; hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng.

- Đối với CTR trong quá trình GPMB gồm lúa, hoa màu, gốc cây trồng có khối lượng 3,36 tấn: Đối với lúa, hoa màu → Người dân thu hoạch trước khi thi công; Phần gốc cây → Bóc cùng lớp bùn bề mặt đưa đi đổ thải.

- Đối với đất vét hữu cơ, bùn bề mặt: $7.883,22\text{m}^3$, tận dụng đắp vào đất cây xanh 3.489m^3 . Phần còn lại $4.394,22\text{m}^3$ đưa đi đổ thải tại cánh đồng Đung, tiểu khu Lê Xá 2, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công.

- Đối với CTR từ quá trình thi công các hạng mục công trình (11,7 tấn/ngày):

- + Cát, đá rơi vãi thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng san nền tại chỗ.
- + Đối với bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải nguy hại lỏng: Trang bị 08 thùng chứa dung tích 500lit/thùng có dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ tạm tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 20m^2 .

- Đối với chất thải nguy hại rắn: Trang bị 01 thùng chuyên dụng thể tích 50lit/thùng để thu gom, lưu giữ. Thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn mác, có nắp đậy theo đúng quy định lưu trữ tạm tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 20m^2 .

Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h.

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Máy móc thiết bị có công suất lớn thi công đào móng bố trí hoạt động khoa học, hợp lý để hạn chế độ rung.

4.2. Giai đoạn vận hành:

Sau khi hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình của dự án, trong giai đoạn vận hành, Công ty Cổ phần tập đoàn Việt Hưng trực tiếp khai thác kinh doanh 241 công trình nhà ở liền kề và bàn giao các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp - thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, cây

xanh công viên, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải...) cho địa phương quản lý và vận hành.

UBND thị trấn Nông Công có trách nhiệm quản lý và phối hợp với các ban ngành thực hiện việc quản lý dự án trong suốt quá trình vận hành dự án.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

*** Trách nhiệm của Chủ dự án:**

- Thiết kế, thi công hệ thống thoát nước mưa đảm bảo kỹ thuật và chất lượng để thu gom tiêu thoát hết nước mưa cho khu dân cư. Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải. Thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Cống thoát nước mưa công tròn BTCT M300, đường kính cống D300, D600; D800; D1200 thay đổi tùy từng lưu vực tính toán, kết hợp cùng hố ga để thu nước mưa.

- Các hố ga thiết kế theo loại hộp giữ nước và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn tạo mỹ quan.

*** Trách nhiệm của chính quyền địa phương:**

- Yêu cầu các hộ dân đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của công trình nhà ở với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

*** Trách nhiệm của chủ dự án:**

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đầu nối vào hệ thống thoát nước chung theo quy hoạch.

- Đầu tư thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu Composite gồm 3 thiết bị với tổng công suất 120 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ dự án sau khi xử lý sơ bộ. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), đầu nối với hệ thống thoát nước mưa để thoát ra mương phía Tây dự án và chảy ra sông Yên.

Căn cứ theo tiến độ lấp đầy dân số dự án, chủ dự án lắp đặt 03 thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (công suất xử lý 40m³/ngày.đêm/trạm) tại khu vực có diện tích 405m² gần khu vực cây xanh. Sau khi trạm xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch chung thị trấn Nông Công (tại phía Đông Nam xã Minh Thọ (nay là thị trấn Nông Công)) công suất 3.800m³/ngày.đêm được đầu tư, dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải tại chỗ, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND huyện Nông Công.

*** Trách nhiệm của các hộ dân:**

- Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ bên trong công trình nhà ở liền kề để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do Chủ dự án xây dựng. Số bể tự hoại là 241 bể, số bể tách dầu mỡ 241 bể.

- Trong quá trình thi công hoàn thiện công trình nhà ở phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh, không làm ô nhiễm môi trường.

** Trách nhiệm của Chính quyền địa phương:*

- Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung.

- Đưa ra quy định, yêu cầu các hộ dân cam kết không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,...vào hệ thống thoát nước.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

** Trách nhiệm của Chủ dự án:*

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch.

- Chọn loại cây xanh lựa chọn là những cây có hoa đẹp, bóng mát, dễ chăm sóc phù hợp với khí hậu đặc trưng của Thanh Hóa như: Cây Sấu, cây Giáng Hương, Ngọc Lan, Hoa Sữa, Sao Đen, Bằng Lăng, Phượng Vĩ, Sao đen...

- Cây xanh được trồng trên vỉa hè với cự ly trồng trung bình là 5m/cây và trồng cách mép vỉa hè 1,2m.

** Trách nhiệm của các hộ dân:*

- Quá trình thi công xây dựng hoàn thiện công trình phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu, hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tốc độ và tải trọng xe theo quy định, phun nước dập bụi khu vực thi công vào những ngày nắng nóng...

- Phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu vực trước phần đất của mình trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

- Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

** Trách nhiệm của các hộ dân:*

- Thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh thành 4 loại: Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải tro; chất thải nguy hại trong sinh hoạt. Bố trí thiết bị chứa chất thải thực phẩm đảm bảo kín, không rò rỉ ra môi trường. Thu gom chất thải tro, chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do UBND thị trấn Nông Cống bố trí.

- Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH, CTNH đúng nơi quy định; không được vứt CTRSH, CTNH ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố,

đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

- Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH, CTNH.

- Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTNH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND cấp huyện.

** Trách nhiệm của Chính quyền địa phương:*

- + Tuyên truyền, yêu cầu các hộ dân tuân thủ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- + Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTNH của hộ gia đình tại dự án và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường.

- + Trang bị 10 thùng rác loại 120 lít (2 màu khác nhau: màu xanh và màu cam) đặt tại khu vực khuôn viên cây xanh, nhà văn hóa. Mỗi vị trí đặt 02 thùng khác màu để thu gom, phân loại chất thải rắn, các vị trí cách nhau 50m.

- Thuê tổ vệ sinh môi trường khu vực thu gom rác thải và đưa đi xử lý theo quy định, hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng hàng ngày thu gom rác tại các thùng rác ven đường, nơi công cộng,...với tần suất 01 lần/ngày tại dự án.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- *Đối với Chính quyền địa phương:*

- + Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thu gom, phân loại chất thải nguy hại đúng quy định.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thu gom, phân loại chất thải nguy hại đúng quy định. Bố trí 3 thùng màu đen dung tích 200 lít/thùng chứa CTNH trong sinh hoạt để người dân phân loại bỏ vào. Các thùng chứa CTNH đặt tại khu vực Nhà văn hóa Khu dân cư Tiểu khu Tập Cát. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- *Đối với các hộ gia đình:* Tự thu gom chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do UBND thị trấn Nông Công bố trí.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm

thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.